

Thông Tin Sản Phẩm

TITANZEX HI1600 DÀNH CHO ÉP PHUN

ĐẶC ĐIỂM

HI1600 là nhựa PE tỷ trọng cao dành cho ép phun. HI1600 đáp ứng các tiêu chí của Cục Quản Lý Thực Phẩm Và Dược Phẩm (FDA) của Hoa Kỳ về việc sử dụng vật liệu tiếp xúc thực phẩm được nêu ở mục 21 CFR 177.1520 (c) 3.1 & (c) 3.2.

ỨNG DỤNG

Phối trộn để tạo Đồ gia dụng, Đồ đựng, Chậu/khay và Thùng đựng rác.

ƯU ĐIỂM

Các đặc tính dễ đúc và cơ khí tuyệt vời.

CÁC ĐẶC TÍNH NHỰA ĐIỂN HÌNH

	ĐƠN VỊ	HI1600 ^(a)	PP ASTM ^(b)
Chỉ số chảy	g/10 phút	21	D1238
Tỷ trọng	g/cm ³	0.957	D1505
Điểm hóa mềm Vicat	°C	122	D1525

CÁC ĐẶC TÍNH CƠ KHÍ ĐIỂN HÌNH

Cường độ chịu kéo tại điểm uốn	kg/cm ²	280	D 638
Độ giãn dài tại điểm đứt	%	40	D 638
Độ cứng (Olsen)	kg/cm ²	10000	D 747
Độ bền va đập Izod	kg-cm/cm	2	D 256
Độ cứng Shore	Thang D	65	D 2240
Khả năng chống nứt do ứng suất (F50)	giờ	2	D1693

(a) Các giá trị được thể hiện là các giá trị điển hình và không được coi là thông số kỹ thuật.

(b) Các phương pháp thí nghiệm ASTM là các phương pháp mới nhất theo các quy trình hiện hành của Hiệp hội.

Độ co rút: 2 – 5 % tùy vào bề dày vách sản phẩm và các thông số đúc.

Chúng tôi không thể dự tính trước được mọi điều kiện theo đó thông tin này và các sản phẩm của chúng tôi, hoặc các sản phẩm của các hãng sản xuất khác kết hợp với các sản phẩm của chúng tôi được sử dụng. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với các kết quả thu được từ việc áp dụng thông tin này hoặc về sự an toàn và phù hợp của các sản phẩm của chúng tôi, dù là được sử dụng đơn lẻ hay kết hợp với các sản phẩm khác. Người dùng cần tự tiến hành kiểm tra để xác định sự an toàn và phù hợp của việc kết hợp sản phẩm đó cho các mục đích riêng của mình. Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, chúng tôi bán sản phẩm nhưng không bảo đảm và người mua và người sử dụng được cho là chịu mọi trách nhiệm đối với những mất mát hoặc tổn thất phát sinh từ việc xử lý và sử dụng các sản phẩm của chúng tôi, dù là sử dụng đơn lẻ hay kết hợp với các sản phẩm khác.

R03